Người ký: Lưu Thị Thắm
Cơ quan: Tỉnh Thái Bình
Thời gian ký: 22.10.2018 09:08:39 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 02/2012/NQ-HĐND	*Thái Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2012*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống cấp nước sạch tập trung khu vực nông thôn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số: 104/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số: 107/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2012; Báo cáo thẩm tra số: 41/BC-KTNS ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch hệ thống cấp nước sạch tập trung, khu vực nông thôn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012-2020 theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số: 107/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2012 với nội dung chủ yếu sau:

1. Phân vùng quy hoạch theo nguồn cấp nước: Căn cứ điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội phân chia thành 3 vùng quy hoạch:

a) Vùng I: Thuận lợi về nguồn cấp nước, gồm 3 huyện Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Đông Hưng. Nguồn cấp nước chủ yếu là nước ngầm, nước mặt sông Hồng, sông Trà Lý, sông Luộc, sông Hóa, sông Tiên Hưng, sông Thái sư.

b) Vùng II: Tương đối khó khăn về nguồn nước, gồm huyện Vũ Thư và huyện Kiến Xương. Nguồn cấp nước chủ yếu là nước mặt sông Hồng, sông Trà Lý, sông Kiến Giang.

c) Vùng III: Khu vực khó khăn về nguồn nước, gồm huyện Thái Thụy và Tiền Hải. Nguồn cấp nước là nước mặt sông Hóa, sông Trà Lý, sông Hồng, sông Kiến Giang, sông Lân, về mùa khô thường bị nhiễm mặn cao.

2. Quy hoạch hệ thống cấp nước sạch tập trung khu vực nông thôn

a) Các công trình hiện có đang cấp nước sạch trên địa bàn:

- Tổng số công trình: 74 công trình, trong đó khu vực nông thôn là 61 công trình; 12 công trình cấp nước đô thị còn công suất cấp nước cho các xã lân cận.

- Tổng công suất thiết kế: 117.165 (m^3/ngày đêm); trong đó khu vực nông thôn là 29.865 (m^3/ngày đêm);

- Tổng số 82 xã đến cuối năm 2012 cơ bản được cấp nước sạch từ công trình cấp nước tập trung;

- Tổng số hộ khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch: 73.648 hộ (tương đương 255.792 người).

b) Quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước sạch tập trung

* Mở rộng phạm vi cấp nước của các công trình hiện có:

- Tổng số công trình được mở rộng phạm vi cấp nước: 22 công trình;

- Tổng công suất cấp nước mở rộng: 22.100 (m^3/ngày đêm);

- Tổng số xã được cấp nước: 38 xã;

- Số người được sử dụng nước sạch: 222.286 người.

* Nâng cấp các công trình cấp nước hiện có:

- Tổng số công trình được nâng cấp: 04 công trình;

- Tổng công suất nâng cấp: 2.350 (m^3/ngày đêm);

- Tổng số xã được cấp nước sau khi nâng cấp: 05 xã;

- Số người được sử dụng nước sạch: 29.500 người.

* Quy hoạch xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung:

- Tổng số công trình: 49 công trình, trong đó:

+ Công trình cấp nước cho 01 xã: 03 công trình;

+ Công trình cấp nước cho 02 xã: 10 công trình;

+ Công trình cấp nước cho 03 xã: 28 công trình;

+ Công trình cấp nước cho 04 xã: 06 công trình;

+ Công trình cấp nước cho 05 xã: 02 công trình.

- Tổng công suất cấp nước: 79.000 (m^3/ngày đêm);

- Tổng số xã được cấp nước: 141 xã;

- Số người được sử dụng nước sạch: 832.600 người.

- Tổng hợp theo huyện:

Tên huyện	Tổng số C.trình	Tổng C.suất (m^3/ng.đ)	Tổng số xã được cấp	Tổng số người được sử dụng	Quy mô xã/công trình				
					01 xã	02 xã	03 xã	04 xã	05 xã
Đông Hưng	09	13.900	29	153.800	0	02	04	02	01
Hưng Hà	09	15.000	24	161.600	01	02	05	01	0
Kiến Xương	06	7.200	13	74.650	02	01	03	0	0
Quỳnh Phụ	10	15.000	26	154.600	0	04	04	01	0
Thái Thụy	10	18.200	34	187.650	0	0	07	02	01
Tiền Hải	04	7.500	12	78.200	0	0	04	0	0
Vũ Thư	01	2.200	03	22.100	0	0	01	0	0

3**. Vốn đầu tư và cơ chế chính sách**

a) Nguồn vốn:

- Dự kiến tổng nguồn vốn: 1.604 tỷ đồng;

- Nguồn vốn: Vốn Ngân sách, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tài trợ của các tổ chức Quốc tế, vốn vay tín dụng, vốn đóng góp của nhân dân, vốn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Cơ chế, chính sách:

- Vùng khó khăn được ưu tiên bằng vốn Ngân sách, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tài trợ, vốn vay tín dụng ưu đãi do Nhà nước bảo lãnh;

- Các khu vực còn lại: Tỉnh có cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư mở rộng phạm vi, nâng cấp, xây dựng mới công trình cấp nước sạch nông thôn.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên